

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 330/2024/HC-PT

Ngày 06 tháng 6 năm 2024

*“V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 113/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5898/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số C, đường N, tổ dân phố T, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- Người bị kiện: UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Xuân L, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan K, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đăng P, Chủ tịch, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1949; vắng mặt.

3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1952; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Bà Đậu Thị T2, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị T3, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, trình bày của các đương sự và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện là ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 trình bày:

Cha mẹ của các ông bà là cụ Lê Văn T4 và cụ Phạm Thị H2 có thừa đất tổ nghiệp tại thôn E, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, diện tích 02 sào 10 thước. Năm 1968 huyện mở đường liên xã, thửa đất của gia đình bị cắt làm đôi, một nửa là 880m² có nhà ở của gia đình, nửa còn lại bên kia đường diện tích 330m² có cây cối lâu niên và đất sản xuất, đăng ký tên chủ hộ trong sổ địa chính và nộp thuế. Năm 1976 ông T5 ở huyện T lên không có đất ở nên mượn tạm 330m² để dựng nhà, hẹn khi nhập được hộ khẩu và Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX) cấp đất sẽ trả lại đất cho gia đình. Năm 1978 ông T5 được cấp đất và dỡ nhà chính lên lô đất mới để ở, con gái là bà Trần Thị Đ tiếp tục ở lại tại nhà bếp và xin gia đình ông bà cho ở tạm ít tháng sẽ giao lại vườn nhưng từ năm 1978 bà Đ cứ ở không chịu trả. Năm 1995, 1996 xảy ra tranh chấp, năm 2002 nghe tin bà Đ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) nên gia đình đã khiếu kiện liên tục, đến năm 2018 xã hòa giải nhưng không thành và sau đó Tòa án nhân dân huyện Hương Khê xét xử. Quá trình giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp đất đai giữa 02 bên tại Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, gia đình mới biết được bà Đ đã có 02 GCNQSDĐ nên đã có yêu cầu hủy nhưng không được chấp nhận với lý do yêu cầu đưa ra sau buổi công khai, tiếp cận chứng cứ, việc bổ sung đơn khởi kiện vượt quá phạm vi khởi

kiện ban đầu.

Do đó, các ông bà khởi kiện yêu cầu: Hủy GCNQSDĐ số P784635 do UBND huyện H cấp ngày 26/3/2002 cho bà Trần Thị Đ và hủy GCNQSDĐ số CD251605 do UBND huyện H cấp đổi ngày 16/10/2016 cho bà Trần Thị Đ.

- Người bị kiện UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh do người đại diện trình bày:

Thửa đất của bà Trần Thị Đ tại thôn E, xã H sử dụng ổn định vào mục đích đất ở trước ngày 15/10/1993 và đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ số P 784635 ngày 26/3/2002 với tổng diện tích 2.150m²; trong đó đất ở: 300m², đất sản xuất nông nghiệp được cấp theo Nghị định 64/NĐ-CP: 1.850m². Quá trình sử dụng có ranh giới ổn định không có tranh chấp. Thực hiện Nghị quyết số 54/203/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh H về đo vẽ bản đồ và cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân, ngày 29/8/2016 UBND xã H đã có Tờ trình số 34/TTr-UBND về việc xin cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ kèm theo các hồ sơ liên quan. Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, ngày 13/10/2016 UBND huyện đã cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ, có số hiệu CD 251605, thửa đất số 253, tờ bản đồ số 21 với diện tích 462,7m²; trong đó: đất ở: 300m², đất trồng cây lâu năm 162,7m².

Năm 2019, các ông, bà: Lê Văn H, Lê Thị M, Lê Thị H1, Lê Thị T3, Lê Thị T, ở xã H và ông Lê Văn P1 ở thôn T, xã H đã nộp đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết tranh chấp đất đai với hộ bà Trần Thị Đ. Tòa án nhân dân huyện Hương Khê đã thụ lý và xét xử tại Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 với nội dung: Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất; vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm tại Bản án số 17/2021/DS-PT ngày 11/8/2021 với nội dung: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

Tháng 9/2021, bà Trần Thị Đ đã chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Thái Hồng S cư trú tại thôn E, xã H; đến năm 2022 ông S đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình C và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp GCNQSDĐ số DE 693828 ngày 07/12/2022. Đối chiếu theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thì việc UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ là đúng quy định; việc tranh chấp đất đai đã được Tòa án nhân dân huyện Hương Khê xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm. Do đó, việc ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 yêu cầu hủy GCNQSDĐ số P784635 do UBND huyện cấp ngày 26/3/2002 và GCNQSDĐ số CD 251605 do UBND huyện H cấp đổi ngày 13/10/2016 cho bà Trần Thị Đ là không có căn cứ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H do người đại diện trình bày:

Nhất trí với ý kiến của UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ Điều 6, Điều 10, Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm a, khoản 2 Điều 193; Điều 344, 348 Luật Tổ tụng hình chính; điểm d khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, khoản 1 Điều 33 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 về việc yêu cầu: Hủy GCNQSDĐ số P784635 do UBND huyện H cấp ngày 26/3/2002 cho bà Trần Thị Đ; hủy GCNQSDĐ số CĐ251605 do UBND huyện H cấp đổi ngày 16/10/2016 cho bà Trần Thị Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2023 người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

Ngày 13/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 có đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Lê Thị H1 và đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Đất của bà Đ sử dụng có nguồn gốc là đất của tổ tiên để lại cho gia đình ông T4 sử dụng. Sau khi xã H lấy đất làm đường thì thửa đất của tổ tiên để lại cho gia đình ông T4 bị chia làm 02 phần, phần có nhà ở thì gia đình ông T4 sử dụng, còn phần đất không có nhà ở thì ông T4 cho ông T5 mượn sử dụng, khi mượn đất ông T5 hứa khi nào được cấp đất ở sẽ trả lại nhưng sau khi được cấp đất ông T5 không trả mà giao lại cho con gái là bà Trần Thị Đ sử dụng. Ông T4 đã nhiều lần đòi đất, UBND xã cũng đã hoà giải, bà Đ hứa mượn ở thêm thời gian khoảng 02 năm nhưng sau đó cũng không trả đất, việc gia đình ông T5 mượn đất ở có tài liệu là xác nhận của các công dân tại xóm D, xóm E xã H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập được hồ sơ, thủ tục cấp GCNQSDĐ năm 2002 của bà Trần Thị Đ, GCNQSDĐ có trong hồ sơ là bản phô tô không có giá trị pháp lý nhưng bản án sơ thẩm nhận định cho rằng có hồ sơ cấp đất năm 2002 và chấp nhận bản phô tô GCNQSDĐ năm 2002 của bà Đ là không đúng; hồ sơ quản lý đất của tỉnh Hà Tĩnh và của huyện H không có tên của bà Đ nhưng hồ sơ của xã lại thể hiện có tên bà Đ sử dụng đất là không phản ánh đúng người sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện và buộc bà Đ trả lại đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 là trong hạn luật định và họ đều thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Sau khi kháng cáo thì bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo là tự nguyện nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người này.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 233, khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3; bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HCST ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của những người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1 và kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 là trong hạn luật định và họ đều thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ngày 13/6/2023, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3 có đơn rút toàn bộ đơn kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn kháng cáo là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 233 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không kháng cáo, trong đó có người có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do và xét thấy việc xét xử vụ án không gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nhận và tiếp cận chứng cứ vụ án dân sự về tranh chấp đất đai do Toà án nhân dân huyện Hương Khê thụ lý giải quyết ngày 05/3/2021 thì những người khởi kiện mới biết bà Trần Thị Đ đã được UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp GCNQSDĐ vào các năm 2002 và năm 2016; ngày 08/3/2021 họ đã có yêu cầu bổ sung khởi kiện nhưng không được chấp nhận do vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu; ngày 11/9/2021 những người khởi kiện có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu tuyên hủy các GCNQSDĐ của UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Trần Thị Đ. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của những người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T yêu cầu hủy GCNQSDĐ số P784635 do UBND huyện H cấp ngày 26/3/2002 cho bà Trần Thị Đ; hủy GCNQSDĐ số CĐ251605 do UBND huyện H cấp đổi ngày 16/10/2016 cho bà Trần Thị Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp và cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ:

Bà Trần Thị Đ là người đang quản lý, sử dụng thửa đất số 253, tờ bản đồ số 21 tại xóm E, xã H, huyện H ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993, có ranh giới rõ ràng và đã được UBND huyện H cấp GCNQSDĐ số P 784635 ngày 26/3/2002 theo Nghị định số 64/CP. Đến năm 2016, thực hiện Nghị quyết số 54/203/NQ-HĐND ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh H về đo vẽ bản đồ và cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân; ngày 29/8/2016 UBND xã H có Tờ trình số 34/TTr-UBND về việc xin cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ kèm theo các hồ sơ liên quan. Sau khi thẩm định hồ sơ, ngày 13/10/2016 UBND huyện H đã cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ, có số hiệu CĐ 251605, đối với thửa đất số 253, tờ bản đồ số 21, diện tích 462,7m²; trong đó đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 162,7m². Quá trình làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ thì UBND xã H và UBND huyện H không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, tranh chấp liên quan đến thửa đất của ai và việc cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ được UBND huyện H thực hiện công khai. Do đó, việc UBND huyện H cấp GCNQSDĐ năm 2002 và cấp đổi lại GCNQSDĐ năm 2016 cho bà Trần Thị Đ là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND năm 2003; khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; khoản 3 Điều 122, Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

[2.2] Về việc xác định quyền sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc trước đây do ông Lê Văn T4 (bố của ông H) sử dụng.

Năm 1968 xã H mở đường đi qua nên thửa đất bị cắt làm đôi, trong đó phần diện tích đất 880m² có nhà ở thì gia đình ông T4 tiếp tục sử dụng để ở, phần diện tích đất 330m² ông T4 không sử dụng. Năm 1976 ông Trần Văn T6 trực tiếp làm nhà ở trên phần diện tích đất 330m², đến năm 1978 ông T6 chuyển đi nơi khác, giao lại nhà và đất cho con gái là bà Trần Thị Đ tiếp tục sinh sống.

Như vậy, từ năm 1976 ông T4 không còn sử dụng phần diện tích đất 330m² có tranh chấp mà người trực tiếp sử dụng đất là ông T6, sau đó ông T6 cho con gái là bà Đ sử dụng. Năm 1985 Nhà nước thực hiện chính sách đo đạc lại đất để làm bản đồ, phần diện tích đất này bà Đ đang sử dụng được thể hiện trong bản đồ 299 đứng tên bà Đ. Năm 2002 UBND xã H thực hiện rà soát và làm thủ tục đề nghị UBND huyện H cấp GCNQSDĐ trên cơ sở sử dụng đất thực tế và bản đồ 299, bà Đ được cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 64/CP. Đến năm 2016, thực hiện Nghị quyết số 54/2013/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh H về đo vẽ bản đồ và cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình và cá nhân thì ngày 29/8/2016 UBND xã H có tờ trình về việc xin cấp đổi GCNQSDĐ cho bà Đ và ngày 13/10/2016 UBND huyện H đã cấp đổi GCNQSDĐ đất số CD 251605 đối với thửa số 253, tờ bản đồ 21, xã H cho bà Trần Thị Đ. Từ năm 2002 bà Đ được cấp đất theo Nghị định 64/NĐ-CP, đến năm 2016 bà Đ được cấp đổi GCNQSDĐ đất thì ông T4 và các con của ông T4 không có ý kiến tranh chấp, khiếu nại gì.

Những người khởi kiện cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của gia đình cho gia đình ông T6 mượn sử dụng nhưng không có tài liệu, giấy tờ, chứng cứ chứng minh việc cho mượn đất. Hồ sơ địa chính, bản đồ 299 của xã H không thể hiện phần diện tích đất 330m² là của gia đình ông T4, bà H2 mà thể hiện là đất của ông Trần Văn T6 (bố bà Trần Thị Đ). Đối với 01 giấy nộp thuế năm 1992 của ông Lê Văn T4 nộp số tiền 9.728 đồng nhưng giấy nộp thuế này không phản ánh số tiền nộp cho thửa đất nào, diện tích là bao nhiêu, nên không có cơ sở xác định tiền thuế trên là nộp cho phần diện tích đất 330m² có tranh chấp này. Tài liệu do ông Lê Văn H nộp và người đại diện uỷ quyền nộp là xác nhận của các công dân ở xóm D và xóm E xã H, huyện H làm chứng trình bày phần diện tích đất 330m² là đất của gia đình ông Lê Văn T4 cho gia đình ông T6 mượn ở không phải là giấy tờ, tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất nên không có cơ sở chấp nhận.

Quá trình UBND xã H và UBND huyện H thực hiện các trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Đ được thực hiện công khai; việc cấp GCNQSDĐ được thực hiện theo Nghị định 64/CP là cấp cho nhiều hộ gia đình cùng lúc, có lập hồ sơ, lập biên bản niêm yết tại trụ sở UBND xã; khi thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà Trần Thị Đ năm 2002 thì UBND xã H không nhận được bất cứ đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp thửa đất nêu trên. Do đó, có căn cứ xác định phần diện tích đất 330m² đang có tranh chấp này là đất do bà Đ sử dụng ổn định từ trước ngày

15/10/1993, đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ theo quy định của pháp luật.

Mặt khác, năm 2019 ông Lê Văn H, bà Lê Thị M, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T3, bà Lê Thị T, ông Lê Văn P1 có đơn khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp đất đai với bà Trần Thị Đ; Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết và tại Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 đã xét xử: Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của các nguyên đơn về việc đòi lại quyền sử dụng đất do bà Đ đang quản lý, sử dụng; vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm tại Bản án số 17/2021/DS-PT ngày 11/8/2021, kết quả là giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

[3] Như vậy, GCNQSDĐ số P784635, ngày 26/3/2002 và GCNQSDĐ số CĐ251605, ngày 16/10/2016 của UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Trần Thị Đ được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; về nội dung đã xác định đúng người có quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật; bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện là có căn cứ pháp luật.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng những người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 233, khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3.

2. Bác toàn bộ kháng cáo của những người khởi kiện ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Văn H, bà Lê Thị T, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị M, bà Đậu Thị T2, bà Lê Thị T3.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng

ngộ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVÀ, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng